



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



Handwritten signature
3/1/13

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.
- Trụ sở hoạt động và nhà máy của Công ty được đặt tại số 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 443.753.850.000 đồng.
- Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty có đầu tư vào 7 công ty con.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Bà Phạm Thúy An	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Châu Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thúy An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO



Số: 15.130/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Ý kiến của chúng tôi bị giới hạn bởi vấn đề sau:

Trong năm 2013 và năm 2014, Tập đoàn đã kiện ra tòa để thu hồi các khoản phải thu khó đòi với tổng số dư nợ đến 31 tháng 12 năm 2014 là 94.070.865.948 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn chưa tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi này theo quy định hiện hành với số tiền ước tính là khoản 85,89 tỷ đồng, trong đó khoản dự phòng cần trích vào chi phí cho năm tài chính 2014 ước tính là 35,53 tỷ đồng. Vấn đề này đã ảnh hưởng đến các số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 như sau:



- Trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2014:

+ Chỉ tiêu Dự phòng phải thu khó đòi vào 01/1/2014 đã giảm đi một khoản là 50,06 tỷ đồng; vào ngày 31/12/2014 đã giảm đi một khoản 85,89 tỷ đồng;

+ Chỉ tiêu Tài sản thuế hoãn lại vào ngày 01/1/2014 đã giảm đi một khoản 2,5 tỷ đồng; vào ngày 31/12/2014 đã giảm đi một khoản 4,3 tỷ đồng.

+ Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 01/1/2014 đã tăng thêm một khoản là 47,56 tỷ đồng; vào ngày 31/12/2014 đã tăng thêm một khoản là 81,59 tỷ đồng.

- Trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014:

+ Chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp năm trước đã giảm đi một khoản là 50,06 tỷ đồng; năm nay đã giảm đi một khoản là 35,53 tỷ đồng.

+ Chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm trước đã tăng thêm một khoản tương ứng 50,06 tỷ đồng; năm nay tăng thêm một khoản là 35,53 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long và các Công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TANG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THỦY PHƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số 1191-2013-026-1



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		966.869.403.765	927.209.642.547
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.586.385.761	6.544.949.714
1. Tiền	111		8.586.385.761	6.544.949.714
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	493.406.110.293	511.949.616.577
1. Phải thu khách hàng	131		326.232.609.900	327.883.917.167
2. Trả trước cho người bán	132		103.410.056.388	80.944.760.250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		90.600.555.542	132.705.397.917
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(26.837.111.537)	(29.584.458.757)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	447.924.249.494	392.304.292.820
1. Hàng tồn kho	141		447.952.700.674	448.510.789.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.451.180)	(56.206.496.579)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.952.658.217	16.410.783.436
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	6.654.781.194	3.513.202.890
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.812.651.398	4.859.077.305
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	394.220.583	330.522.330
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	5.091.005.042	7.707.980.911

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		772.975.448.039	951.019.457.890
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		599.927.493.125	777.576.533.162
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	452.678.336.804	616.513.095.971
+ Nguyên giá	222		566.989.003.562	718.613.236.089
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(114.310.666.758)	(102.100.140.118)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.8	31.094.678.788	-
+ Nguyên giá	225		32.728.500.000	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.633.821.212)	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.9	88.487.848.686	111.688.380.286
+ Nguyên giá	228		90.780.383.977	112.419.546.977
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.292.535.291)	(731.166.691)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	27.666.628.847	49.375.056.905
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		132.130.340.984	132.139.606.676
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11	132.130.340.984	132.139.606.676
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		40.917.613.930	41.303.318.052
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	3.983.287.619	7.943.431.593
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	34.260.407.441	32.324.059.082
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.14	2.673.918.870	1.035.827.377
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.739.844.851.804	1.878.229.100.437

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.520.844.724.220	1.616.725.819.490
I. Nợ ngắn hạn	310		770.655.647.209	1.164.743.174.364
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.15	169.830.781.599	522.089.755.121
2. Phải trả người bán	312	5.16	257.928.608.902	206.982.333.012
3. Người mua trả tiền trước	313	5.16	22.417.146.857	85.055.560.191
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.17	2.357.854.032	7.724.363.449
5. Phải trả người lao động	315	5.18	12.707.924.862	10.505.253.334
6. Chi phí phải trả	316	5.19	22.893.105.598	25.735.026.599
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.20	266.187.560.220	290.247.199.719
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.332.665.139	16.403.682.939
II. Nợ dài hạn	330		750.189.077.011	451.982.645.126
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.21	3.020.435.066	5.822.299.778
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.22	735.874.593.474	434.154.218.324
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.23	12.769.373	14.510.651
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.24	11.281.279.098	11.991.616.373
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		217.137.689.473	261.003.658.426
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.25	217.137.689.473	261.003.658.426
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.640.561.505	19.640.561.505
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.839.181.571	16.839.181.571
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(255.595.903.603)	(211.729.934.650)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	5.25.4	1.862.438.111	499.622.521
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.739.844.851.804	1.878.229.100.437

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		35.136.000	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		181.886,09	155.823,93
+ EUR		333,84	667,34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.471.534.668.228	1.256.960.877.137
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		44.639.325.684	116.429.566.401
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.426.895.342.544	1.140.531.310.736
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.290.500.257.750	1.230.733.486.808
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136.395.084.794	(90.202.176.072)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.981.601.676	49.565.279.844
7. Chi phí tài chính	22	6.4	71.747.965.861	145.730.759.910
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		57.019.508.325	133.991.420.506
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	62.933.013.522	72.523.748.971
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	49.297.191.046	94.491.944.438
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(43.601.483.959)	(353.383.349.547)
11. Thu nhập khác	31	6.7	168.967.933.297	227.155.752.704
12. Chi phí khác	32	6.8	169.761.534.702	155.737.988.034
13. Lợi nhuận khác	40		(793.601.405)	71.417.764.670
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(9.265.691)	(13.479.918)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(44.404.351.055)	(281.979.064.795)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		36.891.949	786.296.381
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	(1.938.089.637)	(21.443.001.831)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(42.503.153.367)	(261.322.359.345)
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(220.772.303)	(120.920.793)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		(42.282.381.064)	(261.201.438.552)
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80		(956)	(5.906)

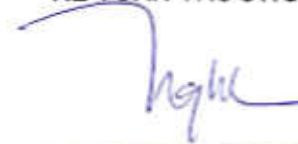
Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(44.404.351.055)	(281.979.064.795)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		40.576.619.678	50.597.997.982
Các khoản dự phòng	03		(58.925.392.619)	80.097.043.044
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		12.040.450.131	3.239.889.352
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.338.810.352	(73.948.711.953)
Chi phí lãi vay	06		57.019.508.325	133.991.420.506
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08		7.645.644.812	(88.001.425.864)
những thay đổi vốn lưu động				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.054.694.953	120.457.211.912
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(558.088.725)	83.953.443.378
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		220.323.526.873	374.685.562.296
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(818.565.670)	4.415.252.053
Tiền lãi vay đã trả	13		(23.784.690.176)	(109.740.809.860)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(519.334.444)	(6.018.342.111)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.049.450.000	6.579.375.036
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-	-
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.814.233.941)	(257.024.823.605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		19.505.135.612	140.628.578.263
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(60.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33.585.027	9.919.561.362
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.724.486.698	(106.536.683.980)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		527.828.512.903	1.364.688.817.666
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(754.540.955.161)	(1.652.108.619.744)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.736.900.443)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(45.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(228.449.342.701)	(287.419.847.078)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2.043.531.620	(15.134.114.708)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.544.949.714	21.689.041.968
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.095.573)	(9.977.546)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		8.586.385.761	6.544.949.714

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100414052 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 04 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất là 443.753.850.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 24 người (31/12/2013: 44 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản lập mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp, cho thuê và mượn kho bãi;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất**Công ty con trực tiếp**

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	149 Nguyễn Văn Cừ, phường 2, quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Áp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Áp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Công ty con gián tiếp

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty CP Mê Kông	Áp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	79,74%	79,74%

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Tại thời điểm thu đặc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiêm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí chờ kết chuyển được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2014
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định khác	02 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Quyền sử dụng đất Nhà máy nước ngầm khu Long Cang và tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

4.8 Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Khoản nợ phải trả tương ứng cho người đi thuê được hạch toán như khoản nợ thuê tài chính phải trả. Khoản thanh toán tiền thuê được phân tách thành chi phí tài chính và khoản giảm trừ nợ thuê tài chính phải trả để đạt được tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê, cụ thể như sau:

Năm 2014

Phương tiện vận tải

04 – 05 năm

4.9 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.12 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập và sử dụng các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

4.13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Doanh thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4.14 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

4.15 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Dịch vụ xử lý nước thải, nuôi trồng thủy sản	không chịu thuế
+ Thương mại phân bón, mì lát, nông sản, gia công chế biến thủy sản	5%
+ Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa	5%
+ Dịch vụ taxi	10%
+ Thương mại thuốc lá	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.16 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và các chi phí trả trước khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	3.166.566.377	1.890.989.073
Tiền gửi ngân hàng	5.419.819.384	4.653.960.641
Tổng cộng	8.586.385.761	6.544.949.714

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	326.232.609.900	327.883.917.167
Trả trước cho người bán	103.410.056.388	80.944.760.250
Các khoản phải thu khác	90.600.555.542	132.705.397.917
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	520.243.221.830	541.534.075.334
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(26.837.111.537)	(29.584.458.757)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	493.406.110.293	511.949.616.577

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu từ hoạt động thương mại	291.617.769.838	287.861.196.509
Phải thu từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	26.122.023.868	39.470.225.814
Phải thu từ hoạt động taxi	1.758.919.527	552.494.844
Phải thu từ hoạt động thi công công trình	6.733.896.667	-
Cộng	326.232.609.900	327.883.917.167

Trong đó, phải thu các bên liên quan được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu Bà Phạm Huyền Trang về hoạt động chuyển quyền sử dụng đất – xem thêm mục 8	8.856.725.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II – xem thêm mục 8	65.813.426.117	-
Cộng	74.670.151.117	-

Trả trước cho người bán được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước hoạt động thi công công trình	6.421.881.508	13.865.257.040
Trả trước hoạt động thương mại	14.243.975.220	8.003.322.433
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, thức ăn thủy sản	82.489.113.660	58.808.684.325
Các khoản trả trước khác	255.086.000	267.496.452
Cộng	103.410.056.388	80.944.760.250

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu lãi tiền cho mượn tạm	42.513.643.027	42.030.466.211
Phải thu tiền cho khách hàng mượn	41.000.508.253	85.248.160.511
Ứng trước theo Hợp đồng kinh tế	1.802.373.650	1.207.787.525
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.160.241.837	1.173.243.837
Phải thu thuế nhập khẩu được hoàn	904.450.380	904.450.380
Phải thu Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy – xem thêm mục 8	542.000.000	542.000.000
Khác	2.677.338.395	1.599.289.453
Cộng	90.600.555.542	132.705.397.917

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	-	457.050.460
Nguyên liệu, vật liệu	4.000.876.435	5.370.692.155
Công cụ, dụng cụ	6.437.268.230	5.549.794.164
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	107.679.424.932	110.650.612.846
Thành phẩm	281.280.853.119	299.700.193.046
Hàng hóa	48.554.477.958	26.773.126.942
Hàng gửi bán	-	9.319.786
Cộng giá gốc hàng tồn kho	447.952.700.674	448.510.789.399
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(28.451.180)	(56.206.496.579)
Giá trị thuần có thể thực hiện	447.924.249.494	392.304.292.820

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.395.146.019	2.225.565.824
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	1.054.566.614	737.037.839
Khác	205.068.561	550.599.227
Tổng cộng	6.654.781.194	3.513.202.890

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	310.101.859	317.747.686
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	13.784.245	12.205.802
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	70.334.479	-
Khác	-	568.842
Tổng cộng	394.220.583	330.522.330

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	3.921.855.042	5.503.459.179
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.169.150.000	2.204.521.732
Tổng cộng	5.091.005.042	7.707.980.911

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.7. Tàng, giám tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						VND
Số dư đầu năm	408.644.773.025	171.592.516.088	133.853.649.660	1.411.690.232	3.110.607.084	718.613.236.089
Tăng trong năm	-	4.403.372.527	518.003.250	-	229.137.000	5.150.512.777
Đầu tư XDCB hoàn thành	14.289.813.939	8.681.156.288	57.294.825	-	2.686.536.564	25.714.801.616
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	(40.000.000)	(18.976.000)	(43.761.861)	-	(102.737.861)
Thanh lý, nhượng bán	(136.912.006.176)	(3.196.298.561)	(42.278.504.322)	-	-	(182.386.809.059)
Số dư cuối năm	286.022.580.788	181.440.746.342	92.131.467.413	1.367.928.371	6.026.280.648	566.989.003.562
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17.078.991.121	30.870.557.529	51.928.886.980	1.346.964.432	874.740.056	102.100.140.118
Khấu hao trong năm	8.913.308.944	13.655.171.748	14.154.237.173	39.781.572	618.930.429	37.381.429.866
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	(15.238.100)	(7.228.955)	(43.761.861)	-	(66.228.916)
Thanh lý, nhượng bán	(4.041.848.664)	(620.705.492)	(20.442.120.154)	-	-	(25.104.674.310)
Số dư cuối năm	21.950.451.401	43.889.785.685	45.633.775.044	1.342.984.143	1.493.670.485	114.310.666.758
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	391.565.781.904	140.721.958.559	81.924.762.680	64.725.800	2.235.867.028	616.513.095.971
Tại ngày cuối năm	264.072.129.387	137.550.960.657	46.497.692.369	24.944.228	4.532.610.163	452.678.336.804

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 433.295.369.645 đồng - xem thêm mục 5.15 và 5.22

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.316.155.912 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.8. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	VND
		Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	-	-
Thuê tài chính trong năm	32.728.500.000	32.728.500.000
Số dư cuối năm	32.728.500.000	32.728.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	1.633.821.212	1.633.821.212
Số dư cuối năm	1.633.821.212	1.633.821.212
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	31.094.678.788	31.094.678.788

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	VND
		Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	112.419.546.977	112.419.546.977
Giảm trong năm	(21.639.163.000)	(21.639.163.000)
Số dư cuối năm	90.780.383.977	90.780.383.977
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	731.166.691	731.166.691
Khấu hao trong năm	1.561.368.600	1.561.368.600
Số dư cuối năm	2.292.535.291	2.292.535.291
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	111.688.380.286	111.688.380.286
Tại ngày cuối năm	88.487.848.686	88.487.848.686

Giá trị còn lại của các tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay là 20.838.661.384 đồng – xem thêm mục 5.15 và 5.22

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	173.218.403	173.218.403
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.628.173.443	4.628.173.443
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	22.685.506.309	44.129.539.393
Khác	179.730.692	444.125.666
Tổng cộng	27.666.628.847	49.375.056.905

5.11. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản góp vốn vào Công ty TNHH SX TM Thanh Thy với tỷ lệ góp vốn bằng 30% vốn chủ sở hữu.

5.12. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.694.236.443	3.926.864.229
Chi phí cải tạo ao, nhà kho	-	1.295.761.976
Chi phí thuê đất	-	460.911.786
Chi phí chờ kết chuyển	2.289.051.176	2.259.893.602
Tổng cộng	3.983.287.619	7.943.431.593

5.13. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.529.210.789	3.520.636.815
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến việc chuyển lỗ phát sinh trong năm	30.555.619.402	28.626.103.726
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	175.577.250	177.318.541
Tổng cộng	34.260.407.441	32.324.059.082

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.14. Tài sản dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	1.614.250.000	-
Đặt cọc thuê nhà xưởng, bến đậu	202.100.000	192.100.000
Ký quỹ chống phá giá cho bên Hoa Kỳ	857.568.870	843.727.377
Tổng cộng	2.673.918.870	1.035.827.377

5.15. Vay ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	158.534.421.099	517.539.755.121
Vay đối tượng khác	4.800.000.000	4.550.000.000
Nợ ngắn hạn	6.496.360.500	-
Tổng cộng	169.830.781.599	522.089.755.121

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất khoảng 9,0%/năm đối với VND, 5,0%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau :

- Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang, Huyện Cần Đước, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23 tháng 03 năm 2011.
- 7.400.658 cổ phiếu HLG được phát hành bởi Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long trị giá 189.456.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009
- Các tài sản thế chấp cho ngân hàng PG Bank ứng với hợp đồng tín dụng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PCB ngày 29/03/2011. Trị giá tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tương ứng là 425.506.492.000 đồng.
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các khoản phải thu, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.

Vay đối tượng khác dưới hình thức tín chấp với lãi suất 16,8%/năm.

Trong đó, số dư vay số dư vay ngân hàng của Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy sản Hoàng Long là 35.000.000.000 đồng và số dư vay ngân hàng của Công ty TNHH MTV Vận tải và Khai thác Khoáng sản Hoàng Long là 13.424.040.000 đồng được trình bày theo nguyên tắc không hoạt động liên tục.

Vay đối tượng khác là các khoản vay tín chấp cá nhân với lãi suất 14%/ năm.

Nợ ngắn hạn là nợ thuê tài chính phải trả trong một năm tới – xem thêm mục 5.22

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.16. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	257.928.608.902	206.982.333.012
Người mua trả tiền trước	22.417.146.857	85.055.560.191
Tổng cộng	280.345.755.759	292.037.893.203

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Phải trả cho người bán được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền đến bù giải tỏa	1.705.331.000	1.705.331.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	6.956.760.496	6.887.998.390
Phải trả hoạt động thương mại	45.290.709.731	16.337.038.748
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	200.558.282.670	134.040.132.417
Phải trả về hoạt động thi công	3.417.525.005	1.179.065.127
Khác	-	46.832.767.330
Tổng cộng	257.928.608.902	206.982.333.012

Người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	1.747.183.070	1.882.223.538
Trả trước cho hoạt động thi công	9.104.454.960	24.882.472.108
Trả trước cho hoạt động thương mại	11.565.508.827	55.463.057.990
Khác	-	2.827.806.555
Tổng cộng	22.417.146.857	85.055.560.191

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	506.835.569	3.761.191.920
Thuế thu nhập doanh nghiệp	353.842.129	843.930.451
Thuế thu nhập cá nhân	785.988.205	848.690.448
Thuế tài nguyên	18.604.274	17.590.446
Các khoản phí, lệ phí	692.583.855	2.251.869.839
Các loại thuế khác	-	1.090.345
Tổng cộng	2.357.854.032	7.724.363.449

5.18. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2014 còn phải trả cho người lao động.

5.19. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí khấu hao tài sản đã sử dụng	-	1.580.177.534
Trích trước lương phải trả	589.662.499	827.875.000
Trích trước chi phí điện	1.145.782.700	2.719.013.700
Trích trước chi phí lãi vay	1.834.931.101	823.421.782
Chi phí phải trả khác	808.938.791	1.270.748.076
Tổng cộng	22.893.105.598	25.735.026.599

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.255.394.536	1.675.318.132
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.492.971.989	4.387.763.909
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.161.000	80.161.000
Qũy hỗ trợ tai nạn lái xe	77.804.766	-
Phải trả Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy – xem thêm mục 8	-	8.387.443.935
Phải trả Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II – xem thêm mục 8	7.000.000.000	-
Phải trả tiền mượn cho ông Phạm Phúc Toại – xem thêm mục 8	52.331.030	697.800.239
Phải trả tiền mượn cho ông Phạm Hoàng Long – xem thêm mục 8	198.932.510	198.246.000
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	1.117.158.250	552.494.100
Phải trả tiền lãi vay	97.081.322.328	28.718.007.739
Phải trả tiền mượn các đối tượng khác	150.069.397.621	242.487.014.558
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.762.086.190	3.062.950.107
Tổng cộng	266.187.560.220	290.247.199.719

5.21. Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Nhận ký quỹ của tài xế taxi	1.490.435.066	5.322.299.778
Nhận ký quỹ khác	1.530.000.000	500.000.000
Số dư cuối năm	3.020.435.066	5.822.299.778

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.22. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	721.256.945.333	434.154.218.324
Nợ thuế tài chính	14.617.648.141	-
Tổng cộng	735.874.593.474	434.154.218.324

Vay ngân hàng là khoản vay với lãi suất từ 8,0%/năm đến 13,5%/năm đối với VND và 5,0%/năm đối với USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm:

- 150 ô tô Kiamorning 4 chỗ. Giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2014 là 13.067.511.312 đồng.
- 7.400.658 cổ phiếu HLG theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Xe ô tô KIA CARENS, KIAMORNING theo các hợp đồng thế chấp sau: hợp đồng 3001/2011/HĐTC-DN.HCM ngày 08/01/2011, hợp đồng 8412/2010/HĐTC-DN.HCM, hợp đồng 1905/2011/HĐTC-DN.HCM ngày 20/05/2011, hợp đồng 03.20.2011.00202 TSTC/VCBNSG ngày 8/9/2011 và hợp đồng tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay cho ngân hàng Shinhan
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà xưởng, thiết bị thuộc dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 277/2009/HĐTC/PGB ngày 22/07/2009
- Diện tích đất trồng lúa tại huyện Tam Nông và huyện Thanh Bình.

Nợ thuế tài chính là các khoản thuế tài chính về phương tiện vận tải với thời hạn 48 tháng. Số dư nợ gốc đến 31/12/2014 là 21.114.008.641 đồng, nợ thuế tài chính đến hạn trả là 6.496.360.500 đồng – xem thêm mục 5.15

5.23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Là khoản thuế phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho.

5.24. Doanh thu chưa thực hiện

Là tiền khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản.

(Phần tiếp theo ở trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.25. Vốn chủ sở hữu

5.25.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	VND
	Công
Số dư đầu năm trước	517.334.880.120
Lợi nhuận trong năm	(261.201.438.552)
Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	(27.541.274)
Trích lập quỹ khen thưởng	(30.601.421)
Tặng do thanh lý Công ty CP Thanh Mỹ	4.900.863.279
Chia cổ tức	(45.000)
Số dư đầu năm nay	261.003.658.426
Lợi nhuận trong năm	(42.282.381.064)
Tặng giảm do tăng vốn góp	(1.583.587.889)
Số dư cuối năm nay	217.137.689.473

/// D
L
O
/

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.25.2. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.25.3. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi / (Lỗ) hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	(42.282.381.064)	(261.201.438.552)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	44.225.385	44.225.385
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	(956)	(5.906)

5.25.4. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	499.622.521	375.364.252
Vốn góp của cổ đông thiểu số giảm trong năm	-	(400.000.000)
Tăng do đầu tư vào công ty CP MeKong	1.583.587.893	593.572.321
Giảm lỗ do thanh lý công ty CP Thanh Mỹ	-	51.606.741
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(220.772.303)	(120.920.793)
Số dư cuối năm	1.862.438.111	499.622.521

(Phần tiếp theo ở trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động thương mại	319.237.410.763	109.520.087.845
Doanh thu hoạt động thi công	21.376.262.372	18.362.755.842
Doanh thu kinh doanh bất động sản	39.277.990.911	706.888.181
Doanh thu cung cấp dịch vụ	957.616.594	48.275.370
Doanh thu cung cấp nước	8.078.954.963	8.809.197.184
Doanh thu dịch vụ taxi	80.884.902.961	118.094.499.181
Doanh thu chế biến thủy sản	1.001.669.187.846	995.862.769.044
Doanh thu khác	52.341.818	5.556.404.490
Các khoản giảm trừ doanh thu	(44.639.325.684)	(116.429.566.401)
Doanh thu thuần	1.426.895.342.544	1.140.531.310.736

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động thương mại	315.463.270.920	103.352.520.247
Giá vốn hoạt động thi công	21.198.093.806	19.307.225.057
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	678.325.394	688.576.954
Giá vốn dịch vụ	1.250.000.000	-
Giá vốn hoạt động cung cấp nước	5.329.382.871	5.128.147.391
Giá vốn dịch vụ taxi	64.556.575.230	94.799.757.732
Giá vốn hoạt động chế biến thủy sản	938.196.593.438	1.051.671.101.296
Giá vốn hoạt động khác	34.512.670	4.655.296.746
Giảm giá vốn do hàng bán trả lại	(56.206.496.579)	(48.869.138.615)
Tổng cộng	1.290.500.257.750	1.230.733.486.808

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.585.027	45.950.027.573
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.393.652.497	3.397.984.949
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	63.732.714	217.267.322
Doanh thu hoạt động tài chính khác	490.631.438	-
Tổng cộng	3.981.601.676	49.565.279.844

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	57.019.508.325	133.991.420.506
Lãi tiền nhận ký quỹ của taxi	1.553.540.267	162.822.072
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.070.734.424	6.517.291.298
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.104.182.845	3.457.156.674
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	1.550.462.620
Lỗ do thanh lý công ty Thanh Mỹ	-	51.606.740
Tổng cộng	71.747.965.861	145.730.759.910

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.966.592.954	5.249.580.542
Chi phí vật liệu, bao bì	15.051.789.485	17.577.202.778
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.619.774	261.111.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.867.011.047	46.474.621.648
Chi phí bằng tiền khác	8.030.000.262	2.961.232.484
Tổng cộng	62.933.013.522	72.523.748.971

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	27.414.104.804	36.047.459.767
Chi phí vật liệu quản lý	797.506.034	3.626.480.357
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.643.838.561	3.624.527.736
Thuế, phí và lệ phí	355.266.174	1.238.997.004
Chi phí dự phòng	3.381.013.765	24.862.017.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.523.001.532	8.053.139.670
Chi phí bằng tiền khác	8.182.460.176	17.039.322.477
Tổng cộng	49.297.191.046	94.491.944.438

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chênh lệch hàng tồn kho	75.529.600	43.390.955.693
Nợ khó đòi xóa sổ nay thu lại được	318.695.109	650.000.000
Thu nhập từ chênh lệch chi phí ao nuôi	-	21.039.108.601
Thu tiền bán phế liệu	1.280.222.722	15.878.971.538
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	162.318.046.709	140.628.578.263
Thu lãi trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	238.620.732	848.789.519
Xử lý quỹ hỗ trợ tai nạn và quỹ sửa chữa	1.592.425.847	1.438.090.625
Thu nhập khác	3.144.392.578	3.281.258.465
Tổng cộng	168.967.933.297	227.155.752.704

(Phần tiếp theo ở trang 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	163.690.442.088	112.578.287.143
Chi phí xử lý ao nuôi	216.663.973	9.615.390.681
Phạt chậm nộp tiền sử dụng đất	386.792.581	854.064.672
Chi phí xử lý hàng tồn kho	187.743.663	29.852.777.133
Chi phí xử lý công nợ	2.847.307.679	-
Chi phí khác	2.432.584.718	2.837.468.405
Tổng cộng	169.761.534.702	155.737.988.034

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, Thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm được trình bày như sau:

	VND			
	Trích trước chi phí Công trình Long Kim 2	Lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	(3.520.636.815)	(28.626.103.726)	(162.807.890)	(32.309.548.431)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(8.573.974)	(1.929.515.663)	-	(1.938.089.637)
Số dư cuối năm nay	(3.529.210.789)	(30.555.619.389)	(162.807.890)	(34.247.638.068)

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	34.260.407.441	32.324.059.082
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(12.769.373)	(14.510.651)
Tổng cộng	34.247.638.068	32.309.548.431

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.178.424.643.620	992.573.199.359
Chi phí nhân công	126.487.764.993	142.020.031.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.576.619.678	50.597.997.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.636.107.035	138.444.338.341
Chi phí khác bằng tiền	11.995.950.167	40.655.319.443
Tổng cộng	1.403.121.085.493	1.362.290.886.256

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất, thương mại
- Thi công, xây lắp
- Bất động sản
- Dịch vụ taxi
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản
- Hoạt động khác

(Phần tiếp theo ở trang 37)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Lĩnh vực	<u>Thương mại</u>	<u>Thi công</u>	<u>Bất động sản</u>	<u>Dịch vụ Taxi</u>	<u>Chế biến thủy sản</u>	<u>Khác</u>	VND
Doanh thu thuần	319.237.410.763	21.376.262.372	470.233.768	80.802.786.711	995.919.735.555	9.088.913.375	1.426.895.342.544
Giá vốn	315.463.270.920	21.198.093.806	678.325.394	64.556.575.230	881.990.096.859	6.613.895.541	1.290.500.257.750
Lãi gộp	3.774.139.843	178.168.566	(208.091.626)	16.246.211.481	113.929.638.696	2.475.017.834	136.395.084.794
Lãi từ hoạt động bán hàng	<u>(6.608.249.436)</u>	<u>(1.419.178.152)</u>	<u>(238.710.760)</u>	<u>1.794.414.175</u>	<u>28.936.044.282</u>	<u>1.700.560.117</u>	<u>24.164.880.226</u>
Doanh thu tài chính	1.433.891.310	-	-	5.810.503	2.541.899.863	-	3.981.601.676
Chi phí tài chính	31.029.387.889	-	-	4.040.691.215	36.677.886.757	-	71.747.965.861
Lợi nhuận tài chính	<u>(29.595.496.579)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(4.034.880.712)</u>	<u>(34.135.986.894)</u>	<u>-</u>	<u>(67.766.364.185)</u>
Thu nhập khác	1.120.075.241	-	-	21.076.706.503	146.771.151.553	-	168.967.933.297
Chi phí khác	873.573.180	-	-	21.448.880.098	147.439.081.424	-	169.761.534.702
Lợi nhuận khác	<u>246.502.061</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(372.173.595)</u>	<u>(667.929.871)</u>	<u>-</u>	<u>(793.601.405)</u>
Lỗ từ hoạt động liên doanh	-	-	-	-	-	(9.265.691)	(9.265.691)
Tổng lợi nhuận trước thuế	<u>(35.957.243.954)</u>	<u>(1.419.178.152)</u>	<u>(238.710.760)</u>	<u>(2.612.640.132)</u>	<u>(2.472.488.413)</u>	<u>1.691.294.426</u>	<u>(44.404.351.055)</u>
Thuế TNDN	<u>(1.294.280.882)</u>	<u>-</u>	<u>470.175.065</u>	<u>(368.212.804)</u>	<u>(708.879.067)</u>	<u>-</u>	<u>(1.901.197.688)</u>
Lợi nhuận sau thuế	<u>(38.058.347.140)</u>	<u>(1.419.178.152)</u>	<u>(708.885.825)</u>	<u>(2.244.427.328)</u>	<u>(5.867.872.483)</u>	<u>1.691.294.426</u>	<u>(42.503.153.367)</u>
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(220.772.303)	-	(220.772.303)
Lợi ích của cty mẹ	<u>(34.662.963.072)</u>	<u>(1.419.178.152)</u>	<u>(708.885.825)</u>	<u>(2.244.427.328)</u>	<u>(4.938.221.113)</u>	<u>1.691.294.426</u>	<u>(42.282.381.064)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau :

	<u>Thương mại</u>	<u>Thị công</u>	<u>Bất động sản</u>	<u>Dịch vụ Taxi</u>	<u>Chế biến thủy sản</u>	<u>Khác</u>	VND
Tài sản bộ phận	352.735.073.083	23.619.278.994	519.575.516	89.281.443.574	1.100.421.845.505	10.042.615.356	1.576.619.832.028
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	163.225.019.776
Tổng tài sản	352.735.073.083	23.619.278.994	519.575.516	89.281.443.574	1.100.421.845.505	10.042.615.356	1.739.844.851.804
Nợ phải trả bộ phận	333.402.792.636	22.324.781.904	491.099.245	84.388.213.392	1.040.111.245.990	9.492.211.750	1.490.210.344.917
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	30.634.379.303
Tổng nợ phải trả	333.402.792.636	22.324.781.904	491.099.245	84.388.213.392	1.040.111.245.990	9.492.211.750	1.520.844.724.220

(Phần tiếp theo ở trang 39)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Lĩnh vực	Thương mại	Thi công	Bất động sản	Dịch vụ Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	109.420.608.255	18.048.239.733	(99.602.315.584)	117.882.185.504	980.184.435.982	14.598.156.846	1.140.531.310.736
Giá vốn	102.286.627.212	19.307.225.057	(48.180.561.661)	94.799.757.732	1.051.671.101.296	10.849.337.172	1.230.733.486.808
Lãi gộp	7.133.981.043	(1.258.985.324)	(51.421.753.923)	23.082.427.772	(71.486.665.314)	3.748.819.674	(90.202.176.072)
Lãi từ hoạt động bán hàng	(28.233.978.744)	(4.454.239.825)	(51.421.753.923)	2.905.400.257	(175.044.391.168)	(968.906.078)	(257.217.869.481)
Doanh thu tài chính	301.745.817	29.216.955.695	-	3.377.231.892	-	16.669.346.440	49.565.279.844
Chi phí tài chính	36.930.336.589	29.749.505.232	-	4.998.786.512	57.080.057.726	16.972.073.851	145.730.759.910
Lợi nhuận tài chính	(36.628.590.772)	(532.549.536)	-	(1.621.554.620)	(57.080.057.726)	(302.727.412)	(96.165.480.066)
Thu nhập khác	2.672.510.068	70.041.416	-	36.962.269.579	187.290.172.420	160.759.221	227.155.752.704
Chi phí khác	3.317.189.162	80.439.735	-	42.003.994.623	109.894.148.945	442.215.569	155.737.988.034
Lợi nhuận khác	(644.679.094)	(10.398.319)	-	(5.041.725.044)	77.396.023.475	(281.456.348)	71.417.764.670
Lỗ từ hoạt động liên doanh	-	-	-	-	-	(13.479.918)	(13.479.918)
Tổng lợi nhuận trước thuế	(65.507.248.610)	(4.997.187.680)	(51.421.753.923)	(3.757.879.407)	(154.728.425.419)	(1.566.569.756)	(281.979.064.795)
Thuế TNDN	(6.031.163.722)	-	(4.191.852.129)	(1.511.146.313)	(8.922.543.286)	-	(20.656.705.450)
Lợi nhuận sau thuế	(59.476.084.888)	(4.997.187.680)	(47.229.901.794)	(2.246.733.094)	(145.805.882.133)	(1.566.569.756)	(261.322.359.345)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(93.949.800)	(26.970.993)	(120.920.793)
Lợi ích của cty mẹ	(59.476.084.888)	(4.997.187.680)	(47.229.901.794)	(2.246.733.094)	(145.711.932.333)	(1.539.598.763)	(261.201.438.552)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau :

	<u>Thương mại</u>	<u>Thi công</u>	<u>Bất động sản</u>	<u>Dịch vụ Taxi</u>	<u>Chế biến thủy sản</u>	<u>Khác</u>	<u>VND</u>
Tài sản bộ phận	154.062.570.694	25.411.650.091	-	165.976.344.195	1.380.084.943.503	20.553.985.278	1.746.089.493.761
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	132.139.606.676
Tổng tài sản	154.062.570.694	25.411.650.091	-	165.976.344.195	1.380.084.943.503	20.553.985.278	1.878.229.100.437
Nợ phải trả bộ phận	139.629.317.656	23.030.975.965	-	150.426.956.934	1.250.792.571.485	18.628.398.361	1.582.508.220.401
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	34.217.599.090
Tổng nợ phải trả	139.629.317.656	23.030.975.965	-	150.426.956.934	1.250.792.571.485	18.628.398.361	1.616.725.819.490

(Phần tiếp theo ở trang 41)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Trong nước	Nước Ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	969.192.907.140	515.687.223.745	(57.984.788.341)	1.426.895.342.544
Giá vốn	894.525.105.602	452.328.195.430	(56.353.043.282)	1.290.500.257.750
Chi phí bán hàng	62.988.046.074	1.354.058.357	(1.409.090.909)	62.933.013.522
Chi phí QLDN	38.397.342.679	12.453.233.146	(1.553.384.779)	49.297.191.046
Kết quả của bộ phận	(26.717.587.215)	49.551.736.812	1.330.730.629	24.164.880.226
Thu nhập tài chính				3.981.601.676
Chi phí tài chính				71.747.965.861
Thu nhập khác				168.967.933.297
Chi phí khác				169.761.534.702
Lỗ từ hoạt động liên doanh				(9.265.691)
Thuế TNDN				(1.901.197.688)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(220.772.303)
Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ				(42.282.381.063)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Trong nước	Nước Ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	705.258.910.166	531.168.064.995	(95.895.664.425)	1.140.531.310.736
Giá vốn	758.199.295.090	570.726.174.966	(98.191.983.248)	1.230.733.486.808
Chi phí bán hàng	37.029.587.664	36.091.341.307	(597.180.000)	72.523.748.971
Chi phí QLDN	75.451.010.438	20.183.819.437	(1.142.885.437)	94.491.944.438
Kết quả của bộ phận	(165.420.983.026)	(95.833.270.715)	4.036.384.260	(257.217.869.481)
Thu nhập tài chính				49.565.279.844
Chi phí tài chính				145.730.759.910
Thu nhập khác				227.155.752.704
Chi phí khác				155.737.988.034
Lỗ từ hoạt động liên doanh				(13.479.918)
Thuế TNDN				(20.656.705.450)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(120.920.793)
Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ				(261.201.438.552)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc
2. Phạm Phúc Toại	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
3. Bà Phạm Huyền Trang	Con của Chủ tịch Hội đồng quản trị
4. Ông Phạm Hoàng Long	Con của Chủ tịch Hội đồng quản trị
5. Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Công ty con
6. Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	Công ty con
7. Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Công ty con
8. Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	Công ty con
9. Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Công ty con
10. Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Công ty con
11. Công ty CP Thủy Sản Mê Kông	Công ty con
12. Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	Công ty liên kết
13. Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	Công ty cùng người kiểm soát

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu – xem thêm mục 5.2		
Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II	65.813.426.117	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	542.000.000	542.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Phải trả - xem thêm mục 5.20

Ông Phạm Hoàng Long	198.932.510	198.246.000
Ông Phạm Phúc Toại	52.331.030	697.800.239
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II	7.000.000.000	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	-	8.387.443.935

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	710.839.042	1.581.751.786
Tạm mượn tiền của Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II	7.000.000.000	-
<ul style="list-style-type: none">Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:		
		VND
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc của công ty mẹ	1.471.745.230	2.539.204.157
Tổng cộng	1.471.745.230	2.539.204.157

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.586.385.761	6.544.949.714
Phải thu khách hàng và phải thu khác	384.712.023.293	426.785.872.657
Tài sản tài chính khác	3.843.068.870	3.240.349.109
Cộng	397.141.477.924	436.571.171.480
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	905.705.375.073	956.243.973.445
Phải trả người bán và phải trả khác	514.469.229.444	493.925.800.361
Chi phí phải trả	22.893.105.598	25.735.026.599
Cộng	1.443.067.710.115	1.475.904.800.405

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	16.098.853,60	38.383.430,68	4.645.917,02	8.022.251,37
<i>Euro (EUR)</i>	-	-	102.206,86	667,34

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

- *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

(Phần tiếp theo ở trang 47)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 10 năm	Tổng cộng
31/12/2014			
Các khoản vay	169.830.781.599	735.874.593.474	905.705.375.073
Phải trả người bán và phải trả khác	514.469.229.444	-	514.469.229.444
Chi phí phải trả	22.893.105.598	-	22.893.105.598
01/01/2014			
	Dưới 1 năm	Từ 1- 10 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	522.089.755.121	434.154.218.324	956.243.973.445
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	488.103.500.583	5.822.299.778	493.925.800.361
Chi phí phải trả	7.221.236.092	18.513.790.507	25.735.026.599

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
31/12/2014			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	384.712.023.293	-	384.712.023.293
Tài sản tài chính khác	1.169.150.000	2.673.918.870	3.843.068.870
01/01/2014			
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	426.785.872.657	-	426.785.872.657
Tài sản tài chính khác	2.204.521.732	1.035.827.377	3.240.349.109

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 03 năm 2015.

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO